

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HOÁ  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 233/2020/HS - ST  
Ngày: 24/8/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Bà Nguyễn Thị Hạnh

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thanh Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

***- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên toà:***

Bà Đoàn Lệ Mỹ - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 223/2020/HSST/TLST – HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2020/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Đỗ Văn T**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đỗ Văn B và bà Trương Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị Q và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 18/5/ 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 24/01/2019; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/01/2015 bị Công an thị xã Tam Điệp (nay là Công an thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức “Cảnh cáo”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2020 đến ngày 21/5/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; “ Có mặt”.

***- Bị hại:***

1. Anh Phạm Hữu T - Sinh năm 1990 “ Vắng”

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

( Là nhân viên bảo vệ Chung cư X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa)

2. Anh Nguyễn Trung D - Sinh năm 1981 “ Vắng”

Địa chỉ: 02/18 Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

( Là nhân viên bảo vệ Chung cư X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa)

3. Anh Lê Trọng T - Sinh năm 1993 “ Vắng”

Địa chỉ: 04/03 đường B, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa ( Là nhân viên bảo vệ tòa nhà Vincom, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa)

4. Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1968 “ Vắng”

Địa chỉ: 86 T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa ( Là nhân viên bảo vệ tòa nhà chung cư Louis, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa).

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Chị Hoàng Thị N - Sinh năm 1997 “ Vắng”

Địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Lê Văn T - Sinh năm 1991 “ Vắng”

Địa chỉ: Chung cư X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chị Nguyễn Thị P - Sinh năm 1998 “ Vắng”

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

4. Chị Lê Thị N - Sinh năm 1989 “ Vắng”

Địa chỉ: Chung cư X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 05h30’ ngày 06/5/2020, Đỗ Văn T bắt xe khách từ nhà ở thôn T, xã T, huyện H đến khu vực siêu thị Big C, thành phố Thanh Hóa rồi đi bộ đến chung cư X, phường Đ, thành phố T với ý định trộm cắp tài sản nhưng bị bảo vệ phát hiện nên bỏ chạy ra ngoài và đi bộ sang chung cư Louis, phường Đ, thành phố T. Đến nơi thấy một số nhân viên bảo vệ nên T cời trần giả vờ tập thể dục để tránh bị phát hiện và đi thang bộ xuống tầng hầm. Khi thấy chiếc xe mô tô Wave  $\alpha$  màu trắng BKS 36B4-873.58 của chị Hoàng Thị N dựng trong góc tường ở tầng hầm, T dùng vạm bẻ khóa để trộm cắp chiếc xe mô tô của chị N. Sau khi bẻ khóa, lợi dụng cửa soát vé không có thanh chắn và nhân viên bảo vệ không chú ý quan sát, T đã nhanh chóng điều khiển xe phóng qua bỏ chạy. Dọc đường đi, Tuấn đã tháo, vứt bỏ biển kiểm soát và thay bằng BKS: 36F5-138.56 nhặt được ngoài đường trước đó, rồi dùng làm phương tiện đi lại tại nhà.

Kết luận định giá tài sản số 116/KL-HĐĐGTS ngày 18/5/2020, Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị chiếc xe mô tô Wave Anpha của chị Hoàng Thị N là 14.700.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngày 15/05/2020, Tuấn đã đầu thú và tự nguyện giao nộp chiếc xe kể trên cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, Tuấn còn khai nhận một mình thực hiện 03 (ba) vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn thành phố Thanh Hóa như sau:

**- Vụ thứ nhất:** Khoảng 05h30’ ngày 12/2/2020, T bắt xe khách đến chung cư X, phường Đ, thành phố T rồi đi xuống hầm để xe. Tại đây T dùng vạm phá khóa tự chế trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda Wave Alpha màu trắng, BKS: 36B6-039.13 của anh Lê Văn T – SN 1991, trú tại: P2307, CT1, chung cư X,

phường Đ, thành phố T. Đến 6h30 cùng ngày, khi người dân lấy xe máy ra khỏi tầng hầm, Tuấn điều khiển chiếc xe vừa trộm được bám theo phía sau rồi lợi dụng lúc thanh barie chắn cửa soát vé chưa kịp đóng để nhanh chóng lách qua tẩu thoát. Sau đó vài ngày Tuấn mang xe này đến cho anh Phạm Duy P – SN 1978, ở Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và nói là xe của mình để gặt nợ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vay trước đó. Do tin tưởng nên anh P đồng ý mà không biết đó là xe do T trộm cắp mà có.

Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 12/3/2020, Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị chiếc xe mô tô Honda Wave Anpha của anh Lê Văn T là 15.200.000đ (Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 19h00' ngày 15/2/2020, Tuấn đi bộ xuống hầm để xe tòa nhà Vincom, phường Đ, thành phố T rồi dùng vạm tự chế phá khóa trộm cắp chiếc xe máy Honda Dream, BKS: 36B2-840.82 của chị Nguyễn Thị P – SN 1998, trú tại: Thôn 4, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi bẻ được khóa xe, lợi dụng tại cửa soát vé không có thanh barie chắn, bảo vệ sơ hở nên T điều khiển xe chạy qua để bỏ trốn. Dọc đường đi, T đã tháo biển kiểm soát vứt bỏ rồi mang về nhà. Vài ngày sau khi gặp anh Nguyễn Văn T, trên đường, T chào bán chiếc xe với giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Anh T đồng ý đưa trước 3.000.000đ (Ba triệu đồng), số tiền còn lại hẹn khi nào mang giấy tờ và biển số xe đến sẽ đưa đủ nhưng sau đó không liên lạc được với Tuấn.

Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 12/3/2020, Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị chiếc xe mô tô Honda Dream của chị Nguyễn Thị P là 5.850.000đ (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- **Vụ thứ ba:** Khoảng 19h30' ngày 11/3/2020, Tuấn vào tầng hầm chung cư X, phường Đ, thành phố T rồi dùng vạm bẻ khóa chiếc xe moto, nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 36F2-0754 của chị Lê Thị N – SN 1989, trú tại P0212, CT1, chung cư X, phường Đ, thành phố T. Đợi khi có người dân chuẩn bị điều khiển xe máy ra khỏi tầng hầm, Tuấn mới nổ máy đi theo sau rồi lợi dụng thanh barie chắn tại cửa soát vé chưa kịp đóng để phóng xe qua bỏ trốn. Sau đó T mang chiếc xe đến nhà anh Phạm Tuấn C vay số tiền: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) và nói là xe của mình khi để lại làm tin. Do tin tưởng nên anh C đồng ý và không biết đó là xe do T trộm cắp được mà có.

Kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2020, Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị chiếc xe mô tô Honda Dream của chị Lê Thị N là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Như vậy tổng trị giá tài sản mà Tuấn trộm cắp là: **41.750.000đ** (Bốn một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

**Về trách nhiệm dân sự:** Đối với 04 (bốn) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha gắn BKS: 36F5 - 138.56, xe Honda Wave Anpha BKS 36B6 - 039.13, xe Honda Dream BKS 36F2 - 0754, xe Honda Dream số khung AY345375, số máy 08E1645481 Đỗ Văn T trộm cắp, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị N, anh Phạm Hữu T, chị Lê Thị N

và chị Nguyễn Thị P. Chủ sở hữu hợp pháp đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Anh Nguyễn Văn T, Phạm Duy P và anh Phạm Tuấn C là những người mua xe của bị cáo, nhưng không biết đó là xe do bị cáo phạm tội mà có, sau khi cơ quan điều tra thông báo, các anh đã tự nguyện giao xe cho cơ quan điều tra để trả cho bị hại, anh T, anh P và anh C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà các anh đã mua xe của bị cáo.

Đối với 01 (một) chiếc còi lê, 01 (một) chiếc vạm phá khóa do T tự chế và 02 (hai) chiếc biển kiểm soát 36B2-840.82 từ chiếc xe mô tô Honda Dream của chị Nguyễn Thị P, 36B4-873.58 từ chiếc xe mô tô Honda Wave Anpha của chị Hoàng Thị N, T đã vứt bỏ sau khi trộm cắp được xe mô tô, T khai không nhớ vị trí vứt nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với biển kiểm soát 36F5-138.56 được T gắn vào xe mô tô Honda Wave Anpha T trộm cắp của chị Hoàng Thị N, vì không xác định được thuộc quyền sở hữu của ai (do T khai nhặt được trên đường), không phải là vật chứng trong vụ án nên nhập kho Công an thành phố Thanh Hóa để tiêu hủy.

Tại bản cáo trạng số 214/CT - VKS ngày 24/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh hoá luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 30 đến 33 tháng tù.

Bị cáo nhận tội và công nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố Thanh hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/02/2020 đến 06/5/2020, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, Đỗ Văn T đã dùng vạm phá khóa tự chế đến các khu chung cư Louis, Xuân Mai và Vincom thực hiện 04 (bốn) vụ trộm cắp xe mô tô. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 41.750.000đ (Bốn một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai trước đây bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn T đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 như cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] *Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút trộm cắp tài sản của chị Hoàng Thị N, chị Lê Thị N, chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính táo bạo, liều lĩnh, gây dư luận xấu trong nhân dân, hành vi đó không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm do bản án số 182/2018/HSST ngày 18/5/2018 của TAND thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích vì bị cáo mới chấp hành xong án phạt tù ngày 24/01/2019, lần này bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 04 xe máy của bị hại, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, do đó bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; bị cáo tự nguyện giao nộp xe Wave  $\alpha$  màu trắng BKS 36B4-873.58 cho cơ quan điều tra để trả cho chị Hoàng Thị N, nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Chị Hoàng Thị N, chị Lê Thị N và chị Nguyễn Thị P là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chủ sở hữu hợp pháp), anh Phạm Hữu T là bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Anh Nguyễn Văn T, Phạm Duy P và anh Phạm Tuấn C là những người mua xe của bị cáo, nhưng không biết đó là xe do bị cáo phạm tội mà có, sau khi cơ quan điều tra thông báo, các anh đã tự nguyện giao xe cho cơ quan điều tra để trả cho bị hại, anh T, anh P và anh C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà các anh

đã mua xe của bị cáo. Xét việc không yêu cầu bồi thường của các anh T, anh P và anh C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt:** Đỗ Văn T 33( Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2020.

**Về trách nhiệm dân sự:** Công nhận người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm.

**Án phí:** Bị cáo phải nộp 200.000đ( Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

*Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
( Đã ký)

**Lê Thị Tân**

